



Máy in để bàn RT700i / RT730i

Máy in mã vạch mạnh mẽ dành cho hầu hết các công việc đòi hỏi khắt khe

Đầy đủ chức năng, tính năng mạnh mẽ, giao diện thân thiện với môi trường và khả năng mở rộng cao giúp cho RT700i trở nên hoàn hảo cho các ứng dụng bán lẻ và công nghiệp



Màn hình LCD TFT màu và bảng điều khiển để vận hành dễ dàng và trực quan



Các cổng Ethernet, USB 2.0, Nối tiếp và USB là các tính năng tiêu chuẩn mang lại thêm tính linh hoạt và sự mạnh mẽ



Giá đỡ cuộn nhãn không cần để nạp dễ dàng và trơn tru



Nút chữ "C" cải tiến giúp cho việc Căn chỉnh nhãn trở nên đơn giản và nhanh chóng

GoDEX

TAIWAN
EXCELLENCE 2013

ENERGY STAR

Specification

RT700i / RT730i

Model		RT700i	RT730i
Phương pháp in		Truyền nhiệt / Nhiệt trực tiếp	
Độ phân giải		203 dpi (8 chấm / mm)	300 dpi (12 chấm / mm)
Tốc độ in		Up to 7 IPS (177 mm/s)	5 IPS (127 mm/s)
Chiều rộng bản in		4,25" (108 mm)	4,16" (105,7 mm)
Độ dài bản in		Tối thiểu. 0,16 "(4 mm) **; Tối đa 68 "(1727 mm)	Tối thiểu. 0,16" (4 mm) **; Tối đa 30" (762 mm)
Bộ vi xử lý		32 Bit RISC CPU	
Bộ nhớ	Flash SDRAM	8 MB Flash (4 MB sử dụng lưu trữ) 16MB	
Loại cảm biến		Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh (phạm vi điều chỉnh toàn bộ chiều rộng) Cảm biến truyền cố định và được căn giữa	
Decal mã vạch	Các loại:	Dạng liên tục, nhãn khoảng cách, cảm biến dấu đen và đục lỗ, chiều dài nhãn được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình	
	Chiều rộng	0.79" (20 mm) Min. – 4,64" (118 mm) Max.	
	Độ dày	0,003" (0,076 mm) Min. - 0,01" (0,20 mm) Max.**	
	Đường kính cuộn decal	Max. 5" (127 mm)	
	Đường kính lõi	1" (25,4 mm), 1,5" (38,1mm)	
Ruy băng mực	Các loại	Wax, wax/resin, resin	
	Đường kính cuộn băng	2,67" (68 mm)	
	Đường kính lõi	1" (25,4 mm)	
	Chiều dài	981' (300 m)	
	Chiều rộng	1,18" Min. - 4,33" (30 mm - 110 mm) Max.	
Ngôn ngữ máy in		Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL	
Phần mềm	Phần mềm thiết kế nhãn	GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)	
	Driver	Windows 2000, XP, Vista, Windows 7, 8.1 and 10 , Windows Server 2003 & 2008 &2012 \ MAC \ Linux	
	DLL	Win CE, .NET, Andriod, Windows Mobile, Windows 2000 / XP / VISTA / Windows 7 / Windows 8.1/Windows 10	
Phòng chữ tích hợp	Phòng Bitmap	6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B Phòng chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° Phòng chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc Phòng TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
	Phòng TTF		
	Phòng Bitmap	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
Phòng chữ tải xuống	Phòng Asian	0°, 90°, 180°, 270° rotatable and 8 times expandable in horizontal and vertical directions	
	Phòng TTF	Phòng TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0°, 90°, 180°, 270°	
Mã vạch	Mã vạch 1D	China Postal Code, Codabar, Code 11, Code 32, Code 39, Code 93, Code 128 (subset A, B, C), EAN-8, EAN-13, EAN 8/13 (with 2 & 5 digits extension), EAN 128, FIM, German Post Code, GS1 DataBar, HIBC, Industrial 2 of 5 , Interleaved 2-of-5 (1 2 of 5), Interleaved 2- of 5 with Shipping Bearer Bars, ISBT – 128, ITF 14, Japanese Postnet, Logmars, MSI, Postnet, Plessey, Planet 11 & 13 digit, RPS 128, Random Weight, Standard 2 of 5, Telepen, UPC-A, UPC-E, UPC-A and UPC-E with EAN 2 or 5 digit extension, UCC 128, UCC/EAN-128 K-Mart	
	Mã vạch 2D	Aztec code, Code 49, Codablock F , Datamatrix code, MaxiCode, Micro PDF417, Micro QR code, PDF417, QR code, TLC 39	
Bộ mã		CODEPAGE 437, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869, 737 WINDOWS 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257 Unicode UTF8 \ UTF16BE \ UTF16LE	
Đồ họa		Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm	
Cổng kết nối		USB 2.0	
		Serial port: RS-232 (DB-9)	
		Ethernet 10/100 Mbps	
		USB Host	
Bảng điều khiển		Màn hình màu LCD với nút điều chỉnh	
		Phím điều khiển: FEED	
		Nút điều khiển	
		Nút bật / tắt nguồn	
Điện năng yêu cầu		Tự động chuyển 100-240VAC, 50-60Hz	
Đồng hồ thời gian thực		Tùy chọn thêm	
Môi trường	Nhiệt độ hoạt động	41°F to 104°F (5°C to 40°C)	
	Nhiệt độ bảo quản	-4°F to 122°F (-20°C to 50°C)	
Độ ẩm	Hoạt động	30-85%, không ngưng tụ	
	Bảo quản	10-90%, không ngưng tụ	
Chứng nhận		CE(EMC) \ FCC Class A \ CB \ cUL \ EAC \ KCC \ BIS \ CCC	
	Kích thước		
	Chiều dài	11,0" (280 mm)	
	Chiều cao	7,3" (186 mm)	
Khối lượng	Chiều rộng	8,3" (210 mm)	
		5.73 lbs (2.6 Kg), Không bao gồm vật tư tiêu	
Tùy chọn thêm		Chức năng Bluetooth	
		Dao cắt tự động	
		Máy bóc tem nhãn tự động	
		Giá đỡ cuộn tem nhãn bên ngoài, đường kính tối đa 10" (250mm).	
		Máy cuộn decal tự động	

** Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhãn, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.